TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/DS-ST
Ngày: 25/ 8/ 2017
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Trọng Điền;

2. Bà Ngô Thị Lệ Thi.

- Thư ký phiên toà: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Ông Lưu Tiến Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 04 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2017/QĐXX-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2017/QĐST-DS ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

- <u>Nguyên đơn</u>: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: tổ 8, khóm V, phường S, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- <u>Bị đơn</u>*:* Bà Phạm Mai Thúy D, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ 10, khóm Châu Thạnh, phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>:

1. Bà Lê Ngọc Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 8, khóm 2, phường B, thành phố Châu Đốc.

2. Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 8, khóm V, phường S, thành phố Châu Đốc.

3. Bưu điện thành phố Châu Đốc.

Bà T có mặt, bà D, bà Đ, ông C và đại diện Bưu điện thành phố Châu Đốc vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Vào tháng 4/2001 bà D có mượn của tôi 36.000.000 đồng, mục đích để làm ăn, tháng 7/2001 sẽ trả vốn, lãi suất 5%/tháng, hai bên không lập biên nhận. Sau khi nhận tiền bà D không trả lãi, đến hạn cũng không trả vốn. Sau đó bà có đến gặp lãnh đạo nơi bà D làm việc thì bà D có làm đơn đề nghị đồng ý cho thủ quỹ là bà Lê Ngọc Đ trừ lương hàng tháng để trả cho bà vốn được 14 lần là 9.500.000 đồng. Bà trực tiếp nhận 03 lần, còn lại chồng bà là Huỳnh Tấn C nhận, đến ngày 22/8/2003 thì bà D ngưng trả cho đến nay. Bà T yêu cầu bà D trả số vốn còn lại 26.500.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ bà T cung cấp gồm:

- Tờ trình của bà Lê Ngọc Đ ghi ngày 10/12/2016;

- Bản photo giấy xin trừ lương hàng tháng của bà D;

Tại bản tự khai, bà Phạm Mai Thúy D trình bày: Vào năm 1999, bà có vay tiền của bà T nhiều lần. Lần đầu, vay 10.000.000 đồng; lần thứ hai vay 5.000.000 đồng; lần thứ ba vay 10.000.000 đồng; lần thứ tư vay 5.000.000 đồng; tổng cộng là 30.000.000 đồng. Bà trả lãi từ khi vay cho đến năm 2002 thì không khả năng trả theo thỏa thuận nữa nên bà đã gặp bà T xin trả vốn. Bà T đồng ý nhưng cộng thêm lãi vào vốn 6.000.000 đồng, tổng nợ 36.000.000 đồng. Bà D trả dần đến năm 2003 thì bà nghỉ việc và nhận được tiền nghỉ việc của Bưu điện hơn 15.000.000 đồng. Nhưng khi đến ký nhận tiền thì thủ quỹ của Bưu điện là bà Đ giữ lại giao cho ông C (ông C chồng bà T) để trả cho bà T. Bà D xác định trả cho bà T tổng cộng 24.500.000 đồng (9.500.000 đồng + 15.000.000 đồng). Bà D thừa nhận còn nợ lại bà T 11.500.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng.

Tờ tường trình ngày 10/12/2016 của bà Lê Ngọc Đ trình bày: Vào năm 2002, theo sự chỉ đạo của Giám đốc Bưu điện thì bà sẽ trừ tiền lương và tiền thưởng của bà D để trừ vào số nợ của bà T. Ngày 26/6/2017 bà Đ có văn bản cho rằng bận công việc không đến tham dự tại tòa, năm 2001 theo sự phân công của Ban lãnh đạo Bưu Điện Châu Đốc, bà đã trừ lương bà D cho bà T, đã hơn 15 năm giấy tờ không còn chứng minh, chỉ xác nhận theo chữ viết của mình theo bản pho to bà T nhờ xác nhận. Ngoài ra các vấn đề khác giữa hai bên bà không biết. Đối với bà là thủ quỹ chỉ chi tiền có ký tên nhận và giao tiền là hết trách nhiệm còn chứng từ lưu lại là do kế toán lưu giữ. Bà đã trừ lương bà D theo giấy photo mà bà T cung cấp.

Tại biên bản hòa giải, ông Huỳnh Tấn C xác định có nhận tiền của bà D từ bà Đ trừ lương giao 4.400.000 đồng, còn lại là bà T nhận 5.100.000 đồng, cho biết bà Đ không có giao 15.000.000 đồng tiền trợ cấp nghỉ việc của bà D cho ông.

Công Văn số 48/BĐCĐ ngày 08/7/2017 đại diện Bưu Điện thành phố Châu Đốc ông Nguyễn Văn G cho biết: Bà Lê Ngọc Đ hiện đang công tác Bưu

điện thành phố Châu Đốc với chức danh là thủ quỹ. Việc lãnh đạo có chỉ đạo bà Đ khấu trừ lương và tiền thưởng của bà D trả cho bà Th hay không thì chúng tôi không biết vì từ năm 2002 đến nay đã thay đổi qua nhiều thủ trưởng đơn vị, việc này không nằm trong chuyên môn nên không có căn cứ gì. Việc thanh toán nợ nần là việc riêng của hai người. Bà D có làm văn bản đồng ý cho bà Đ trừ lương hàng tháng tổng cộng 9.500.000 đồng, có bút tích xác nhận của bà Đ theo bản pho to do bà T cung cấp. Bưu điện Châu Đốc chỉ xác nhận bà Đ làm thủ quỹ trong thời gian đó chớ không xác nhận bà D đã trả cho bà T bao nhiêu.

Tòa án đã mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành và không tiến hành đối chất được do có đương sự vắng mặt.

Ngày 17/8/2017 bà T có đơn yêu cầu bà D trả cho bà vốn 19.000.000 đồng đủ một lần không chấp nhận cho bà D trả dần.

Cùng ngày bà D có Tường trình đồng ý trả cho bà T 19.000.000 đồng theo phương thức mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, bắt đầu trả vào ngày 30/9/2017.

Bà T xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của đương sự vắng mặt.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Đúng quy định pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét sử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Bà T cho bà D vay tổng cộng 36.000.000 đồng vào tháng 4/ 2001, các bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng không lập thành văn bản, bà D làm đơn xin trừ lương hàng tháng đến ngày 22/8/2003 trả được cho bà T 9.500.000 đồng. Hợp đồng vay giữa các bên trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội làm phát sinh quyền và nghĩa vụ. Bà D thừa nhận còn nợ vốn 26.500.000 đồng, nhưng cho rằng bà Đ đã trừ tiền thưởng 15.000.000 đồng giao cho ông C để trả cho bà T, tuy nhiên bà Đ và ông C không thừa nhận, và bà cũng không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa bà T rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu bà D trả vốn 19.000.000 đồng được bà D đồng ý. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận theo Điều 471 Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Mai Thúy D trả khoản nợ vay. Bị đơn đang cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc nên yêu cầu kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà D, bà Đ, ông C, đại diện Bưu điện thành phố Châu Đốc vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Bà T và bà D khai thống nhất thời điểm vay là năm 2001 và vốn vay 36.000.000 đồng, thỏa thuận miệng không lập thành văn bản, bà D trả dần đến ngày 22/8/2003 còn nợ vốn 26.500.000 đồng. Cho nên, có căn cứ xác định, giữa bà T với bà D có xác lập hợp đồng vay .

Việc xác lập hợp đồng giữa các bên phù hợp với quy định tại các Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Tuy nhiên bà D cho rằng vào năm 2003 thì bà nghỉ việc và nhận được tiền nghỉ việc của Bưu điện thành phố Châu Đốc hơn 15.000.000 đồng, nhưng khi đến ký nhận tiền thì thủ quỹ là bà Đ giữ lại giao cho ông C (chồng bà T) để trả cho bà T, nên bà chỉ còn nợ lại bà T 11.500.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng. Bà Đ và ông C không thừa nhận, ngoài ra bà D không cung cấp chứng cứ chứng minh, do đó không có cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà D trả cho bà vốn vay 19.000.000 đồng, bà D vắng mặt có tường trình chấp nhận.

Về phương thức thanh toán: Bà Thanh yêu cầu bà D trả dứt điểm một lần số nợ 19.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bà D chấp nhận trả nợ cho bà Thanh nhưng xin trả dần cho đến khi dứt nợ. Theo đó, bà D yêu cầu xin trả 500.000 đồng/tháng; Do bà T không chấp nhận phương thức thanh toán mà bà D đưa ra nên buộc bà D trả cho bà T số nợ 19.000.000 đồng theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Phương thức thanh toán sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà T tiền tạm ứng án phí đã nộp 662.500 đồng. Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 19.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Phạm Mai Thúy D có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T vốn *19.000.000 (mười chín triệu) đồng*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà T *662.500 (sáu trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2015/0007355 ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Bà Phạm Mai Thúy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là *950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng*.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà T có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt bà D, bà Đ, ông C và Bưu điện thành phố Châu Đốc có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc(2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TP. Châu Đốc(1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bích Thủy